

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Mãng, ông Sùng A Dờ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lù Thị V**, sinh năm: 1991 – *Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: bản Co Sáng, **xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên**;

2. Bị đơn: anh **Lò Văn Á**, sinh năm 1990 - *vắng mặt lần 2*.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: bản Ta Pun, **xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu**;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Lù Thị V** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Lù Thị V** và anh **Lò Văn Á** có đăng ký kết hôn số 02/2014 ngày 06/01/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên**. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến tháng 08 năm 2014 thì chị **V**, anh **Á** sống ly thân do thường xuyên mâu thuẫn, chị **V** đã về nhà mẹ đẻ ở **xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên** từ ngày 28/8/2014 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày. Hiện không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng

được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ánh;

Về con chung: Vợ, chồng chị **V**, anh Ánh có một chung là cháu: **Lò Anh N** – sinh ngày 19/8/2014. Khi ly hôn chị **V** có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục cháu **N** cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi . Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **V** không yêu cầu anh **Lò Văn Á** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ, chồng chị **V**, anh Ánh không có tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: chị **Lò Thị V1** đề nghị chịu án phí theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn anh **Lò Văn Á**: Tòa án đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị **V1** và anh Ánh tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và niêm yết tại chính quyền địa phương, tuy nhiên anh **Lò Văn Á** không có mặt tại Tòa án và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, anh Ánh đã vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh **Lò Văn Á** vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Sơn Hồ, tỉnh Lai Châu:

Về thủ tục Tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị **Lò Thị V** đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; anh **Lò Văn Á** chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị **V** và anh **Lò Văn Á** kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn thì thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Lò Thị V**, tuyên xử cho chị **V** được ly hôn với anh **Lò Văn Á**.

Về con chung: chị **Lò Thị V** và anh **Lò Văn Á** có một con chung là cháu **Lò Anh N** – sinh ngày 19/8/2014. Cháu nguyên trình bày ý kiến có nguyện vọng được ở với mẹ là chị **V**. Khi ly hôn chị **V** có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục cháu **N** cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi . Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **V** không yêu cầu anh **Lò Văn Á** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu **N** cho mẹ là chị **Lò Thị V** chăm sóc, giáo dục, anh Ánh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị **V**, anh Ánh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét. Về tài sản chung, nợ

chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị **Lù Thị V** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Chị **Lù Thị V** nộp đơn khởi kiện về việc: “Ly hôn, nuôi con chung,”, tại Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với anh **Lò Văn Á**; địa chỉ: **bản T, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Chị **V** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **Lù Thị V** đã nộp tạm ứng án phí theo đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị **Lù Thị V**, theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn, nuôi con chung, giữa chị **Lù Thị V** và anh **Lò Văn Á**, bị đơn anh **Á** cư trú tại **xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Bị đơn Anh **Lò Văn Á** được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị **Lù Thị V** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị **V** và anh **Á** kết hôn hợp pháp, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã **N**, xác minh tại nơi sinh sống của anh **Á**, lấy lời khai của trưởng bản **xã T**, lời khai của công an xã xác nhận: chị **Lù Thị V** và anh **Lò Văn Á** có mâu thuẫn và đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, chị **V** đã ly thân và không ở cùng anh **Lò Văn Á**. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị **V** giải quyết cho chị **Lù Thị V** ly hôn với anh **Lò Văn Á**.

Về con chung: chị **Lù Thị V** và anh **Lò Văn Á** có một con chung. Xét nguyện vọng của nguyên đơn chị **V**, nguyện vọng của con chung nên giao cháu **N** cho mẹ là chị **V** chăm sóc, giáo dục. Anh **Á** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị **V**, anh **Á** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện **VKS huyện S** tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **Lù Thị V** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lù Thị V**. Về quan hệ hôn nhân chị **Lù Thị V** được ly hôn với anh **Lò Văn Á**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lò Anh N** – sinh ngày 19/8/2014 cho chị **Lù Thị V** chăm sóc, giáo dục. Anh **Lò Văn Á** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị **Lù Thị V** và anh **Lò Văn Á** không có ý kiến hay văn bản yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lù Thị V**, anh **Lò Văn Á** không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị **Lù Thị V** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị **V** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000618 ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hồ (Chị **V** đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Ảng Nưa, huyện Mường Ảng,
tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa